HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 17 HD – CCB

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2013.

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 430
Ngày 8 tháng 4 Năm 2013.

HƯỚNG DẪN THI HÀNH
ĐIỀU LỆ HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam do Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ V thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2012;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Hội khoá V.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI HƯỚNG DẪN THI HÀNH ĐIỀU LỆ HỘI

1. Đối tượng được xét kết nạp vào Hội. Gồm 9 đối tượng sau:

a. Các đồng chí đã tham gia các đơn vị vũ trang do Đảng tổ chức trước ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945. Bao gồm: Xích vệ đỏ, Tự vệ đỏ, du kích Bắc Sơn, du kích Ba Tơ, du kích Cao - Bắc - Lạng, Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và các đội du kích, đội tự vệ chiến đấu ở các vùng, miền, các chiến khu...

b. Cán bộ và chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, gồm: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội Biên phòng (tiền thân là Công an Vũ trang), Biệt động đã tham gia kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế, nay đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu. Cụ thể là:

- Cán bộ, chiến sỹ (kể cả quân nhân chuyên nghiệp) đã tham gia chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới, hải đảo, làm nhiệm vụ quốc tế, chiến đấu, phục vụ chiến đấu trên các chiến trường nước bạn hoặc đã tham gia chiến đấu tiễu trừ thổ phỉ, Fulrô, biệt kích thám báo... bảo vệ an ninh trên các địa bàn.
- Đối với những quân nhân do điều kiện, hoàn cảnh cụ thể trong các cuộc chiến tranh mà lạc đơn vị hoặc bỏ ngũ về địa phương, sau đó trở về đơn vị cũ hoặc nhập ngũ lại, khi hoàn thành nghĩa vụ tại ngũ ra quân được hưởng các chế độ theo quy định của Quân đội và của Nhà nước thuộc đối tượng xem xét kết nạp vào Hội.

c. Cán bộ, chiến sỹ dân quân du kích, tự vệ đã trực tiếp tham gia chiến đấu, đội viên các đội công tác vũ trang vùng địch tạm chiếm. Bao gồm:

- Các đồng chí đứng trong hàng ngũ dân quân du kích và tự vệ đã trực tiếp tham gia chiến đấu trong các thời kỳ chiến tranh để bảo vệ xóm làng ở các địa phương trong toàn quốc, tham gia chiến đấu tiễu trừ thổ phỉ, Fulrô, biệt kích, thám báo, bắn máy bay, rà phá bom mìn, thủy lôi... bảo vệ an ninh trên các địa bàn.
- Những người đã tham gia các đội vũ trang, trực tiếp chiến đấu bảo vệ đội hình, bảo vệ cầu đường, bến bãi, kho tàng, trạm trại, nhà máy và các cơ sở vật chất trang bị kỹ thuật khác trên các trục đường giao thông, các địa bàn chiến lược (đường Trường Sơn, khu căn cứ...)

- Thành viên các đội công tác vũ trang do Đảng tổ chức, bao gồm: những tổ chức chuyên hoạt động xây dựng cơ sở chính trị, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp của địch, bảo vệ và hỗ trợ cho phong trào cách mạng của nhân dân ở các địa phương (kể cả đội viên thiếu niên tham gia các đội du kích trong các cuộc kháng chiến).

d. Công nhân viên quốc phòng đã tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong thời kỳ chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Bao gồm những người đã làm việc trong thời kỳ chiến tranh tại:

- Cơ quan chỉ huy các cấp của Quân đội.
- Các cơ sở sản xuất quốc phòng.
- Các binh trạm hậu cần, các đoàn vận tải quân sự.
- Các bệnh viện Quân đội.
- Các cơ sở bảo đảm chiến đấu khác của Quân đội.

Tóm lại: những người đã tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu đều thuộc đối tượng được xem xét kết nạp vào Hội, không kể thời gian tham gia chiến đấu là bao nhiêu.

đ. Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp hoàn thành nhiệm vụ trong Quân đội đã xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu.

- Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu là những người thôi phục vụ tại ngũ, tính từ ngày cấp có thẩm quyền ra quyết định cho nghỉ công tác trong Quân đội, hoặc chuyển ngành.

- Đối với những người nghỉ hưu không phải chờ đến khi nhận sổ hưu mà được xem xét kết nạp vào Hội sau khi có quyết định cho nghỉ chờ hưu của cấp có thẩm quyền trong Quân đội.

e. Hạ sỹ quan, chiến sỹ đã hoàn thành nghĩa vụ tại ngũ về định cư tại các xã, huyện miền núi, huyện biên giới đất liền, hải đảo, địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện như sau:

- Về đối tượng: không chỉ giới hạn là người dân tộc thiểu số, mà cả người dân tộc đa số khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ về cư trú ở các xã, huyện miền núi, huyện biên giới đất liền, hải đảo.

- Về địa bàn bao gồm: các xã miền núi; các xã, thị trấn của huyện miền núi; các xã, thị trấn của huyện biên giới. (Địa bàn huyện biên giới đất liền là huyện có địa giới tiếp giáp với đường biên giới quốc gia trên đất liền). Đối với tuyến biển chỉ vận dụng với những người về cư trú tại các hải đảo.

- Đối với đồng bào người *dân tộc Chăm, dân tộc Khơ me* đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ về định cư tại các *thôn, ấp có đồng bào dân tộc Chăm, dân tộc Khơ me* đang sinh sống ở địa bàn đồng bằng.

g. Những quân nhân đã hoàn thành nhiệm vụ ở tuyến đầu biên giới, hải đảo.

Tuyến đầu biên giới là địa bàn các địa phương theo quy định tai Điều 6 của Luật Biên giới Quốc gia (số 06/2003/QH11).

h. Những quân nhân trong quá trình làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ có thành tích xuất sắc được Quân đội và Nhà nước khen thưởng và những quân nhân hoàn

thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ khi ra quân là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Bao gồm:

- Những quân nhân rèn luyện phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác trong năm; nhiệm vụ đột xuất như: chiến đấu, phục vụ chiến đấu; lao động sản xuất; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn... đạt thành tích được khen thưởng, hình thức từ giấy khen trở lên do cấp trung đoàn và tương đương trở lên quyết định, ở địa phương do cấp huyện và tương đương trở lên quyết định.

- Những quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ khi ra quân là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Những người được kết nạp vào đảng trước khi nhập ngũ, trong thời gian tại ngũ rèn luyện phấn đấu tốt khi ra quân vẫn là đảng viên và những quân nhân trong thời gian làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ rèn luyện phấn đấu tốt được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

i. Những quân nhân, Cựu quân nhân được Bộ quốc phòng đào tạo thành sỹ quan dự bị, bao gồm:

- Những quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ, được chọn đi đào tạo sỹ quan dự bị, được phong quân hàm sỹ quan dự bị trước khi ra quân.

- Những quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ, khi ra quân đi học các trường Đại học, Cao đẳng... sau đó được Bộ quốc phòng đào tạo thành sỹ quan dự bị.

- Những quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ khi ra quân về địa phương được chọn đi đào tạo thành sỹ quan dự bị.

- Những người được Bộ quốc phòng đào tạo thành sỹ quan dự bị và được phong quân hàm sỹ quan dự bị sau đó đi làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ, nay xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành.

- Những người tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng và những người được đào tạo, hoặc bổ nhiệm làm xã, phường đội trưởng, được Bộ quốc phòng đào tạo thành sỹ quan dự bị, nhưng chưa làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ, đều không thuộc đối tượng xem xét kết nạp vào Hội.

* Những người được kết nạp vào Hội trong thời kỳ thực hiện quy định của Điều lệ Hội lâm thời dù không nằm trong các đối tượng nêu trên vẫn là hội viên của Hội, nếu họ không xin ra khỏi Hội.

2. Thủ tục kết nạp hội viên.

- Thủ tục kết nạp hội viên cần ngắn gọn, đúng với tính chất quần chúng của Hội; song phải bảo đảm yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn và đúng thủ tục.

- Người xin vào Hội phải được nghiên cứu và tán thành Điều lệ Hội. Báo cáo với tổ chức Hội về lý lịch bản thân (chứng minh thuộc đối tượng được xem xét kết nạp) và có đơn xin vào Hội.

- Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội (nơi không có Ban Chấp hành thì do hội nghị toàn thể hội viên) thảo luận, quyết định theo đa số. Những tổ chức cơ sở Hội có Chi hội thì do Chi hội đề nghị, tổ chức cơ sở Hội quyết định. Nơi có Phân hội thì Phân hội đề nghị, Chi hội xem xét, Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội quyết

- Việc công bố kết nạp hội viên trong một cuộc họp thường lệ của Chi hội hoặc tổ chức cơ sở Hội, không công bố kết nạp ở Phân hội.

3. Về xoá tên hội viên và kết nạp lại người vào Hội.

a. Xoá tên hội viên.

Những hội viên quy định tại khổ 2 Điều 7, và những hội viên được kết nạp không đúng đối tượng quy định của Điều lệ Hội được cụ thể trong Hướng dẫn này (trừ những hội viên được kết nạp trong thời kỳ thực hiện Điều lệ Hội lâm thời và những hội viên là Thanh niên xung phong được kết nạp từ trước đến nay) hoặc làm đơn xin ra khỏi Hội thì tổ chức cơ sở Hội làm thủ tục xoá tên trong danh sách hội viên.

b. Kết nạp lại: Người được xét kết nạp lại vào Hội phải có đủ các điều kiện sau:

- Có đủ điều kiện và tiêu chuẩn của người vào Hội được quy định tại Điều 4, Điều lệ Hội.

- Ít nhất 12 tháng đối với những trường hợp bị xoá tên hoặc khai trừ kể từ khi ra khỏi Hội (riêng người bị án hình sự thì phải sau khi xoá án tích) và phải được ban thường vụ tổ chức Hội cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Hội đồng ý bằng văn bản, tổ chức cơ sở Hội xem xét, quyết định.

- Chỉ kết nạp lại một lần.

- Hội viên được kết nạp lại thì tuổi Hội của hội viên được tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp lần đầu, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt Hội.

4. Thủ tục chuyển sinh hoạt Hội cho Hội viên.

- Khi hội viên chuyển nơi cư trú, hoặc công tác lâu dài đến nơi khác (ngoài phạm vi địa giới hành chính của tổ chức cơ sở Hội) thì làm thủ tục chuyển sinh hoạt cho hội viên đến tổ chức cơ sở Hội mới.

- Hội viên báo cáo với Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi đang sinh hoạt (nơi có Chi hội thì báo cáo với Chi hội) về lý do xin chuyển sinh hoạt và tổ chức cơ sở Hội sẽ chuyển đến.

- Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội làm giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt cho hội viên (theo mẫu hướng dẫn của Ban Tổ chức- Chính sách), kèm theo sơ yếu lý lịch và thẻ hội viên đến Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi hội viên chuyển đến. Hội viên trực tiếp mang đến nộp cho Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi chuyển đến.

- Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi hội viên chuyển đến tiếp nhận, đăng ký vào danh sách và giới thiệu hội viên về sinh hoạt ở Chi hội nơi hội viên chuyển đến.

- Việc chuyển sinh hoạt cho hội viên không phải qua cấp trên của tổ chức cơ sở Hội.

5. Việc miễn công tác và sinh hoạt Hội của hội viên (Điều 7).

Những hội viên được miễn công tác và sinh hoạt Hội trong từng thời gian là những hội viên cao tuổi, thường xuyên đau yếu, là thương binh, bệnh binh nặng, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, phải thường xuyên đi làm ăn xa... Trong thời gian được miễn công tác và sinh hoạt Hội các đồng chí này phải giữ gìn phẩm chất, tư cách hội viên và phải đóng hội phí theo quy định.

6. Một số vấn đề về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ (Điều 8).

a Việc xác định cấp độ tổ chức Hội.

Điều lệ Hội quy định tổ chức Hội được lập tương ứng với hệ thống tổ chức Đảng. Việc xác định cấp độ tổ chức Hội là cấp cơ sở, cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở hay cấp trực thuộc, nói chung vận dụng tương ứng với cấp độ của tổ chức Đảng cùng cấp, trên cơ sở số lượng hội viên, số lượng tổ chức Hội trực thuộc, địa bàn hành chính và tính chất hoạt động thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để xác định cho phù hợp.

b. Việc chỉ định Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ. Thực hiện như sau:

Trong nhiệm kỳ, nếu có sự thay đổi về tổ chức như: Thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì Ban Chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra chính thức; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của Ban Chấp hành không nhất thiết là 5 năm.

c. Về tên gọi và cách tính nhiệm kỳ của các tổ chức Hội ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ.

- Những tổ chức Hội do chia tách, sáp nhập thì cách tính số thứ tự nhiệm kỳ đại hội là: số thứ tự đại hội qua các thời kỳ lịch sử (kể cả thời gian chia tách, sáp nhập) cộng thêm nhiệm kỳ hiện tại. Tổ chức Hội được thành lập mới thì tính theo nhiệm kỳ mới.

Ví dụ: Huyện Hội X có thời gian trước khi chia tách, sáp nhập là 10 nhiệm kỳ + thời gian chia tách, sáp nhập 3 nhiệm kỳ + nhiệm kỳ hiện tại là đại hội lần thứ 14.

- Một tổ chức Hội được tách làm hai thì hai tổ chức Hội mới đều được tính nhiệm kỳ liên tiếp theo nhiệm kỳ của tổ chức Hội khi chưa tách.

- Một tổ chức Hội được thành lập mới từ nhiều đơn vị khác nhau thì tính nhiệm kỳ đầu tiên. Trường hợp đặc biệt cần phải tính khác thì báo cáo Thường trực Trung ương Hội xem xét, quyết định.

d. Ban chấp hành khoá mới nhận sự bàn giao từ Ban Chấp hành khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được đại hội bầu.

Sau hội nghị Ban Chấp hành khoá mới lần thứ nhất bầu ra Ban Thường vụ và các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra; Ban Chấp hành khoá mới đã có đủ các chức danh để điều hành ngay công việc, được ký các văn bản với các chức danh đã được bầu. Ban Chấp hành khoá trước phải thực hiện bàn giao xong cho Ban Chấp hành khoá mới trong vòng 15 ngày kể từ ngày đại hội kết thúc, không chờ quyết định chuẩn y của Ban Chấp hành Hội

đ. Việc bổ sung Uỷ viên Ban Chấp hành thiếu do Ban Chấp hành đề nghị, Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp quyết định.

- Khi cần bổ sung Uỷ viên Ban Chấp hành thiếu, tập thể ban Chấp hành thảo luận; lấy phiếu tín nhiệm thống nhất đề nghị Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp về số lượng, nhân sự cụ thể để Ban Chấp hành Hội cấp trên ra quyết định.

- Việc bổ sung Uỷ viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch đã là Uỷ viên Ban Chấp hành thực hiện theo quy trình: Ban Chấp hành bầu các chức danh nêu trên, đề nghị Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp chuẩn y. Trường hợp chưa phải là Uỷ viên Ban Chấp hành thì Ban Chấp hành đồng thời lấy phiếu tín nhiệm cả 3 chức vụ: Uỷ viên Ban Chấp hành, Uỷ viên Ban Thường vụ, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, thống nhất đề nghị Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp chỉ định.

- Trường hợp đặc biệt (giữa cấp uỷ địa phương, cấp uỷ cơ quan, đơn vị cùng cấp của tổ chức Hội và Ban Chấp hành Hội, hoặc trong nội bộ Ban Chấp hành Hội còn có ý kiến khác nhau về nhân sự), nếu xét thấy thật cần thiết để bảo đảm kiện toàn kịp thời bộ máy lãnh đạo của tổ chức Hội cấp dưới, sau khi thống nhất về nhân sự với cấp uỷ địa phương, cấp uỷ cơ quan đơn vị cùng cấp của tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp, Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp ra quyết định chỉ định bổ sung Uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp.

- Những trường hợp bổ sung Uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ để giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch phải được cấp uỷ cùng cấp giới thiệu bằng văn bản.

e. Việc chỉ định tăng thêm Uỷ viên Ban Chấp hành.

Khi thật cần thiết, sau khi đã báo cáo và được cấp uỷ nhất trí, Ban Chấp hành Hội cấp dưới đề nghị Ban Chấp hành Hội cấp trên chỉ định tăng thêm một số Uỷ viên Ban Chấp hành Hội cấp dưới. So với số lượng uỷ viên Ban Chấp hành mà đại hội đã quyết định, số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành được chỉ định tăng thêm không được quá 20% so với số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành mà đại hội đã quyết định. Việc đề nghị thực hiện theo quy trình: Ban Chấp hành Hội cấp dưới lấy phiếu tín nhiệm phát hiện đề nghị cả về số lượng và nhân sự cụ thể, Ban Chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp quyết định.

g. Uỷ viên Ban Chấp hành Hội các cấp khi thôi giữ các chức vụ công tác Hội thì thôi không tham gia Ban Chấp hành Hội các cấp.

- Uỷ viên Ban Chấp hành khi có quyết định nghỉ công tác Hội thì thôi tham gia Ban Chấp hành Hội các cấp.

- Trường hợp đến kỳ đại hội các cấp, nếu Uỷ viên Ban Chấp hành tham gia nhiều cấp Hội, mà ở cấp mình đã hết nhiệm kỳ, sau đại hội không còn cơ cấu giữ các chức vụ công tác Hội (kể cả cấp mình và cấp trên), khi cấp trên chưa đại hội, chưa cơ cấu người khác thay thế thì vẫn là Uỷ viên Ban Chấp hành Hội cấp trên cho đến kỳ đại hội của tổ chức Hội cấp trên.

- Uỷ viên Ban Chấp hành được bầu theo cơ cấu ở các khối đại diện không thuộc phạm vi điều chỉnh ở điểm này.

7. Quy trình tổ chức đại hội.

a. Đại hội của các cấp Hội có thể tiến hành hai phiên: Phiên trù bị và phiên chính thức

- Trong phiên trù bị thực hiện các nội dung: Thông qua quy chế, bầu đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu, thông qua chương trình làm việc của đại hội, hướng dẫn sinh hoạt của đại biểu.

- Trong phiên chính thức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 11, 12, 13, 17 của Điều lệ Hội, phù hợp với mỗi cấp: Trung ương, tỉnh, huyện và tương đương, cơ sở.

b. Các bước tiến hành đại hội.

- Chào cờ (hát quốc ca).

- Bầu đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu (nếu đã bầu ở phiên trù bị thì mời lên làm việc).

- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; diễn văn khai mạc.

- Đọc báo cáo chính trị.

- Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu (ở đại hội toàn thể hội viên báo cáo tình hình hội viên tham gia đại hội).

- Thảo luận báo cáo chính trị của cấp mình và văn kiện cấp trên (nếu có).

- Phát biểu của đại diện Hội cấp trên và của cấp uỷ cùng cấp.

- Bầu Ban Chấp hành và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên (thực hiện các công việc theo quy chế bầu cử).

- Thông qua nghị quyết đại hội và chương trình hành động.

- Bế mạc đại hội (diễn văn bế mạc, hát quốc ca).

8. Về tổ chức cơ sở Hội (Điều 16).

a. Tổ chức cơ sở Hội được thành lập ở xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp.

- Ở các xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có từ 5 hội viên trở lên, được cấp uỷ và thủ trưởng cơ quan, đơn vị nhất trí, Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp ra quyết định thành lập.

- Những tổ chức cơ sở Hội có đông hội viên, hoặc hoạt động phân tán thành lập ra các Chi hội. Mỗi Chi hội tối thiểu phải có từ 3 hội viên trở lên.

- Tổ chức cơ sở Hội có 12 hội viên trở lên bầu Ban Chấp hành.

b. Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội có từ 9 Uỷ viên trở lên bầu Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ban kiểm tra. Ban Kiểm tra có cơ cấu Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Kiểm tra. Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội dưới 9 Uỷ viên bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm phụ trách kiểm tra. Số lượng Ban Kiểm tra ở tổ chức cơ sở Hội nên có từ 3 đến 5 Uỷ viên.

Chế độ sinh hoạt của Ban Chấp hành, Ban thường vụ của tổ chức cơ sở Hội thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều lệ Hội.

c. Những tổ chức cơ sở Hội có đông hội viên hoặc địa bàn rộng được thành lập ra các Chi hội, dưới Chi hội là Phân hội.

- Chi hội không bầu Ban Chấp hành, chỉ bầu Chi hội Trưởng, Chi hội Phó. Nơi có đông hội viên, nhiều Phân hội, bầu ra một hoặc nhiều Chi hội Phó.

- Việc bầu cán bộ Chi hội gắn với nhiệm kỳ của Chi bộ đảng trực tiếp lãnh đạo Chi hội. Chi hội không tổ chức đại hội, bầu cán bộ Chi hội được tiến hành trong hội nghị sinh hoạt thường kỳ của Chi hội.

d. Phân hội, Chi hội (nơi không chia Phân hội) sinh hoạt thường kỳ từ 1 đến 3 tháng một lần. Cụ thể như sau:

- Những nơi có điều kiện thuận lợi duy trì sinh hoạt thường kỳ 1 tháng một lần.

- Những nơi điều kiện khó khăn như: địa bàn rộng, địa hình phức tạp, số lượng hội viên ít phải ghép nhiều thôn, xóm vào một Chi hội, Phân hội; hoặc có nhiều hội viên đi làm xa; những Chi hội, Phân hội ở thành phố có nhiều hội viên là cán bộ nghỉ hưu tuổi cao...có thể vận dụng sinh hoạt 2 đến 3 tháng một lần, do tổ chức cơ sở Hội xem xét, quyết định.

- Chi hội, Phân hội ở cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, sinh hoạt thường kỳ 2 đến 3 tháng một lần (có thể vận dụng kết hợp với các hoạt động vào các ngày lễ, kỷ niệm để tổ chức sinh hoạt).

9. Công tác Kiểm tra, giám sát.

a. Công tác Kiểm tra, giám sát của Ban Chấp hành.

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Hội các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Kiểm tra, giám sát của tổ chức Hội và hội viên chấp hành Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết của Hội. Tổ chức Hội và hội viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội. Cụ thể như sau:

- Ban chấp hành các cấp Hội phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức Hội cấp dưới và hội viên. Tổ chức Hội cấp dưới và hội viên chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức Hội cấp trên.

- Ban Chấp hành (trước hết là Ban Thường vụ) xây dựng kế hoạch, chỉ đạo hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của Ban Kiểm tra cấp mình và cấp dưới trực tiếp.

- Nội dung kiểm tra, giám sát đối với tổ chức Hội: Tập trung vào kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội, thực hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội, thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Hội cấp trên, thực hiện qui chế làm việc, chương trình kế hoạch công tác toàn khoá và hàng năm của tổ chức Hội cấp dưới.

- Nội dung kiểm tra, giám sát đối với hội viên: Thực hiện nhiệm vụ của hội viên và rèn luyện phấn đấu giữ gìn phát huy bản chất truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", làm tròn nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

Ban Kiểm tra cấp trên hướng dẫn tổ chức Hội cấp dưới về công tác Kiểm tra, giám sát, kỷ luật Hội. Chỉ đạo, hướng dẫn Ban Kiểm tra cấp dưới về công tác Kiểm tra, giám sát, kỷ luật Hội. Cụ thể như sau:

- Kiểm tra hội viên, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội cùng cấp, tổ chức Hội cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ công tác Kiểm tra và xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội của tổ chức Hội cấp dưới.

- Giám sát đối với tổ chức Hội, trước hết là Ban Chấp hành (Ban Thường vụ) cấp dưới trực tiếp.

- Giám sát đối với Uỷ viên Ban Chấp hành cùng cấp (kể cả Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Uỷ viên Thường vụ và cán bộ cơ quan của Ban Chấp hành).

c. Việc giải quyết tố cáo đối với tổ chức Hội và hội viên.

- Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra Hội các cấp có nhiệm vụ giải quyết tố cáo của hội viên và nhân dân về những vấn đề có liên quan đến tổ chức Hội và hội viên theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, hội viên.

- Hội viên khi tố cáo việc làm sai trái của tập thể hoặc cá nhân phải đúng sự thực, ghi rõ họ, tên, địa chỉ và cung cấp những chứng cứ chứng minh, đồng thời chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo. Tổ chức Hội phải hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của Hội về tố cáo; phải giữ bí mật cho người tố cáo và giải quyết dứt điểm, kịp thời các vụ việc tố cáo liên quan đến tổ chức Hội và hội viên.

- Tổ chức Hội và hội viên bị tố cáo phải báo cáo đầy đủ, trung thực những vấn đề bị tố cáo với tổ chức Hội có thẩm quyền; được nêu lên những bằng chứng để chứng minh khi cho rằng nội dung tố cáo là không đúng.

- Không xem xét, giải quyết đơn tố cáo dấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ hoặc tố cáo không có nội dung cụ thể, không có cơ sở để thẩm tra, xác minh; tố cáo vụ việc đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận, nay tố cáo nhưng không cung cấp được thông tin, tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ việc; đơn tố cáo không phải do người tố cáo trực tiếp ký tên.

10. Khen thưởng của Hội đối với tổ chức Hội và hội viên.

Hội viên và tổ chức Hội có nhiều thành tích được các cấp Hội xét khen thưởng (Điều 21). Ngoài ra, còn được cấp uỷ Đảng và chính quyền cùng cấp xét khen thưởng.

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, từng cấp Hội khen theo quyền hạn và đề nghị tổ chức Hội cấp trên khen thưởng.

a. Hình thức khen thưởng.

- Đối với hội viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, kỷ niệm chương Cựu chiến binh, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự

-. Đối với tổ chức Hội: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ thi đua, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

b. Thẩm quyền khen thưởng.

- Tổ chức cơ sở Hội: Biểu dương Chi hội và hội viên.

- Hội cấp huyện và tương đương: Tặng giấy khen cho tổ chức cơ sở Hội và hội viên

- Hội cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tặng giấy khen cho tổ chức Hội và hội viên.

- Trung ương Hội: Tặng cờ thi đua, bằng khen và kỷ niệm chương Cựu chiến binh cho tổ chức Hội và hội viên.

Ban Tuyên giáo Trung ương Hội hướng dẫn cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng của Hội.

11. Kỷ luật của Hội đối với tổ chức Hội và hội viên (Điều 22).

Hội viên và tổ chức Hội làm trái Điều lệ, Nghị quyết của Hội, làm tổn hại đến uy tín và tài sản của Hội thì tuỳ tính chất, mức độ sai phạm mà áp dụng các hình thức kỷ luật sau đây:

a. Đối với hội viên: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội.

- Việc xử lý kỷ luật hội viên với hình thức khiển trách, cảnh cáo phải được Chi hội thảo luận, biểu quyết với sự đồng ý của quá 1/2 tổng số hội viên và được Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội xem xét quyết định.

- Với hình thức khai trừ phải được Chi hội biểu quyết với sự đồng ý của 2/3 tổng số hội viên, Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội xem xét quyết định.

- Hội viên vi phạm nhưng đang mắc bệnh hiểm nghèo, đang nằm điều trị tại bệnh viện thì chưa xem xét xử lý kỷ luật.

- Hội viên (kể cả cán bộ Hội) bị toà án tuyên phạt từ hình thức phạt tù có thời hạn (kể cả cho hưởng án treo) trở lên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì tổ chức Hội có thẩm quyền căn cứ vào bản án của toà án để quyết định khai trừ ra khỏi Hội, không phải theo quy trình thi hành kỷ luật.

- Khi hội viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam, nếu tổ chức Hội có thẩm quyền kết luận rõ hội viên đó có vi phạm đến mức phải xử lý thì phải chủ động xem xét, xử lý kỷ luật Hội, không nhất thiết phải chờ kết luận hoặc tuyên phạt của toà án có thẩm quyền. Sau khi có bản án hoặc quyết định của toà án, tổ chức Hội có thẩm quyền thi hành kỷ luật xem xét quyết định tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình thức kỷ luật Hội đối với hội viên vi phạm.

- Đối với Uỷ viên Ban Chấp hành các cấp sinh hoạt ở tổ chức cơ sở Hội, nếu vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống và thực hiện nhiệm vụ hội viên phải được

Chi hội thảo luận, Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội xem xét kiến nghị hình thức kỷ luật, báo cáo lên Ban Chấp hành tổ chức Hội cấp trên xem xét, quyết định; nếu vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao thì do cấp giao nhiệm vụ có thẩm quyền xem xét quyết định. Sau khi quyết định hình thức kỷ luật, cấp ra quyết định thông báo cho tổ chức cơ sở Hội, nơi hội viên sinh hoạt biết.

- Đối với Uỷ viên Ban Kiểm tra không phải là Uỷ viên Ban Chấp hành thì việc xử lý các hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ do Ban Chấp hành Hội cùng cấp quyết định.

b. Đối với tổ chức Hội: Khiển trách, cảnh cáo.

- Xử lý kỷ luật một tổ chức Hội với hình thức khiển trách, cảnh cáo do Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp quyết định.

- Trường hợp đặc biệt cần áp dụng hình thức xử lý kỷ luật cao hơn do sai phạm nghiêm trọng thì do Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp đề nghị, Ban Chấp hành Hội cấp trên cách một cấp quyết định. Trước khi quyết định phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

12. Đình chỉ sinh hoạt Hội của hội viên, sinh hoạt Ban Chấp hành của Uỷ viên Ban Chấp hành (Điều 22).

a. Đình chỉ sinh hoạt Hội và sinh hoạt Ban Chấp hành.

- Việc đình chỉ sinh hoạt Hội của hội viên, đình chỉ sinh hoạt Ban Chấp hành của Uỷ viên Ban Chấp hành nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức Hội có thẩm quyền, hoặc hành vi làm cho vi phạm trở lên nghiêm trọng hơn. Do đó, chỉ áp dụng trong các trường hợp sau:

- Hội viên (kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành) bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định truy tố, tạm giam; có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật Hội mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của Ban Chấp hành và công tác kiểm tra, kỷ luật của Hội thì phải đình chỉ sinh hoạt Hội.

- Uỷ viên Ban Chấp hành có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật Hội mà có hành vi cụ thể, cố ý gây trở ngại cho công tác kiểm tra của Hội, hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định khởi tố thì đình chỉ sinh hoạt Ban Chấp hành. Uỷ viên Ban Chấp hành bị đình chỉ sinh hoạt Hội thì đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt Ban Chấp hành.

b. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt Ban Chấp hành.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt Hội đối với hội viên, đình chỉ sinh hoạt Ban Chấp hành đối với Uỷ viên Ban Chấp hành có dấu hiệu vi phạm kỷ luật Hội là 90 ngày làm việc; trường hợp cần thiết phải gia hạn thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn không quá 180 ngày làm việc.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt Hội đối với hội viên, Ủy viên Ban Chấp hành bị truy tố, tạm giam; thời hạn đình chỉ sinh hoạt Ban Chấp hành của Uỷ viên Ban Chấp hành được tính theo thời hạn khởi tố, thời hạn tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) theo quy định của pháp luật.

c. Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt Ban Chấp hành:

- Tổ chức Hội cấp nào có thẩm quyền khai trừ hội viên, cách chức Uỷ viên Ban Chấp hành thì tổ chức Hội cấp đó có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt Hội của hội viên, đình chỉ sinh hoạt Ban Chấp hành của Uỷ viên Ban Chấp hành.

- Đình chỉ sinh hoạt Hội của hội viên do Chi hội đề nghị, Ban Chấp hành tổ chức cơ sở Hội quyết định.

- Đình chỉ sinh hoạt Hội hoặc đình chỉ sinh hoạt Ban Chấp hành của Uỷ viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành cùng cấp đề nghị, Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp quyết định.

- Ban Kiểm tra của Ban Chấp hành kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện việc đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt Ban Chấp hành thuộc phạm vi quản lý của Ban Chấp hành cấp mình; giúp Ban Chấp hành làm các thủ tục đình chỉ sinh hoạt Hội, sinh hoạt Ban Chấp hành theo đúng quy định.

- Tổ chức Hội có thẩm quyền phải nhanh chóng xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của hội viên, Uỷ viên Ban Chấp hành bị đình chỉ sinh hoạt để quyết định việc hội viên, Uỷ viên Ban Chấp hành trở lại sinh hoạt. Trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình thì phải chỉ đạo hoặc kiến nghị với các tổ chức Hội có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Khi hội viên hết thời hạn bị tạm giam (kể cả gia hạn nếu có), không còn bị cơ quan pháp luật truy tố thì tổ chức Hội có thẩm quyền xem xét việc quyết định cho hội viên trở lại sinh hoạt và xem xét, xử lý kỷ luật Hội theo mức độ vi phạm.

- Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì chưa quyết định cho Hội viên trở lại sinh hoạt Hội.

Ban Kiểm tra Trung ương Hội hướng dẫn cụ thể về nội dung, quy trình kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Hội.

Hướng dẫn này phổ biến đến các tổ chức cơ sở Hội để thực hiện thống nhất. Quá trình thực hiện có vấn đề gì còn vướng mắc, các cấp Hội báo cáo về Thường vụ Trung ương Hội để xin ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

T.M BAN CHẤP HÀNH TW HỘI
PHÓ CHỦ TỊCH

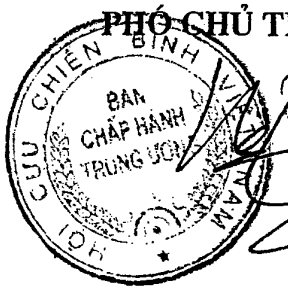

Nguyễn Song Phi

Nơi nhận:
- **Các tổ chức Hội trực thuộc;**
- **Các đ/c Uỷ viên BCHTW Hội;**
- **Các cơ quan, đ/vị trực thuộc TW Hội;**
- **Lưu văn phòng.**

HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH DAKLAK
Số: 119/YS-CCB

Nơi nhận:
- Các đơn vị trực thuộc
- Lưu văn phòng

SAO Y BẢN CHÍNH
Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 4 năm 2013

TL/ CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TỈNH HỘI ĐẮK LẮK

Lê Xuân Nghi

HỘI CỰU CHIẾN BINH
KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH

Số: 26/ YS- CCB
Nơi nhận:
- Hội CCB cơ sở,
- T vụ Hội CCB khối,
- Lưu TT Hội CCB khối.

SAO Y BẢN CHÍNH
Đắk Lắk ngày 21 tháng 5 năm 2013

TM/ THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH HỘI CỰU CHIẾN BINH KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Văn Khỏa